

Số: 15/2026/QĐST-DS

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 131/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần B (B1);

Địa chỉ trụ sở: Số A, đường Q, phường T, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Thái H - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Thanh P - Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Chi nhánh B2.

Người được ủy quyền lại:

Ông Trần Văn L; số CCCD: 052087005482; Chức vụ: Trưởng phòng Kinh doanh - Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Chi nhánh B2;

Ông Võ Thành T; số CCCD: 052089012301; Chức vụ: Trưởng phòng Thẩm định - Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Chi nhánh B2;

Ông Nguyễn Văn T1; số CCCD: 038077016475; Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Chi nhánh T2.

- *Bị đơn:*

1. Ông Bùi Xuân H1 - sinh năm: 1982; số CCCD: 038082008591;

2. Bà Phạm Thị M - sinh năm: 1987; số CCCD: 038187011958;

Đều có nơi thường trú: Thôn N, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa;

Đều có nơi ở hiện tại: Số H, đường L, thôn L, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về Hợp đồng: Ngân hàng Thương mại cổ phần B (B1) và ông Bùi Xuân H1, bà Phạm Thị M có ký kết và thực hiện các Hợp đồng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 119/2022/HĐTD-BACABANK.CNBD ngày 15/08/2022;

- Khế ước nhận nợ số 001 (Theo HĐTD số 119/2022/HĐTD-BACABANK.CNBD ngày 15/08/2022) ngày 15/08/2022;

- Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 119/2022/HĐTC-BACABANK.CNBD ngày 15/08/2022.

2.2. Về tổng số tiền nợ: Tính đến ngày 09/3/2026, ông Bùi Xuân H1 và bà Phạm Thị M còn nợ B3 tổng số tiền là 581.051.163 đồng (năm trăm tám mươi một triệu không trăm năm mươi một nghìn một trăm sáu mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc: 506.750.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 1.522.360 đồng; nợ lãi quá hạn: 72.778.803 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 119/2022/HĐTD-BACABANK.CNBD ngày 15/08/2022 và Khế ước nhận nợ số 001 (Theo HĐTD số 119/2022/HĐTD-BACABANK.CNBD ngày 15/08/2022) ngày 15/08/2022.

2.3. Về thời hạn và phương án trả nợ: Ông Bùi Xuân H1 và bà Phạm Thị M phải thanh toán cho B3 số tiền nợ 581.051.163 đồng (năm trăm tám mươi một triệu không trăm năm mươi một nghìn một trăm sáu mươi ba đồng) theo các kỳ, cụ thể như sau:

- Ngày 06/4/2026, ông Bùi Xuân H1 và bà Phạm Thị M có nghĩa vụ trả cho B3 số tiền là: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);

- Ngày 06/5/2026, ông Bùi Xuân H1 và bà Phạm Thị M có nghĩa vụ trả cho B3 số tiền là: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);

- Ngày 06/6/2026, ông Bùi Xuân H1 và bà Phạm Thị M có nghĩa vụ trả cho B3 số tiền là: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);

- Ngày 06/7/2026, ông Bùi Xuân H1 và bà Phạm Thị M có nghĩa vụ trả cho B3 số tiền là: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);

- Ngày 06/8/2026, ông Bùi Xuân H1 và bà Phạm Thị M có nghĩa vụ trả cho B3 số tiền là: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);

- Ngày 06/9/2026, ông Bùi Xuân H1 và bà Phạm Thị M có nghĩa vụ trả cho B3 số tiền là: 81.051.163 đồng (tám mươi một triệu không trăm năm mươi một nghìn một trăm sáu mươi ba đồng).

2.4. Ông Bùi Xuân H1 và bà Phạm Thị M phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh cho B3 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 119/2022/HĐTD-BACABANK.CNBD ngày 15/08/2022 và Khế ước nhận nợ số 001 (Theo HĐTD số 119/2022/HĐTD-BACABANK.CNBD ngày 15/08/2022) ngày 15/08/2022, kể từ ngày 10/3/2026 cho đến ngày ông Bùi Xuân H1 và bà Phạm Thị M thanh toán hết nợ cho B3.

2.5. Trường hợp ông Bùi Xuân H1 và bà Phạm Thị M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thực hiện nghĩa vụ thanh toán không đầy đủ (vi phạm bất kỳ kì hạn trả nợ nào) theo thỏa thuận nêu trên thì B3 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm sau để thu hồi toàn bộ khoản nợ:

Xe ô tô nhãn hiệu: VINFAST, số loại: LUX SA2.0, số khung: RPXAB2RXGNV002190, số máy: 220770007VF20SUV, sản xuất năm 2022, BKS: 36A - 809.53, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 36000306 do Công an huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/08/2022 cho ông Bùi Xuân H1, thế chấp tại B1 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 119/2022/HĐTC-BACABANK.CNBD ngày 15/8/2022 (đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật).

2.6. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nêu trên không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Bùi Xuân H1 và bà Phạm Thị M phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho B3.

2.7. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: B1 và ông Bùi Xuân H1, bà Phạm Thị M tự thỏa thuận về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.8. Về án phí:

- Ông Bùi Xuân H1 và bà Phạm Thị M chịu 13.621.000 đồng (mười ba triệu sáu trăm hai mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.900.000 đồng (mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002854 ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Thanh Hóa.

3. Tòa án không xem xét phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: “Yêu cầu ông Bùi Xuân H1 và bà Phạm Thị M thực hiện nghĩa vụ trả lãi chậm trả lãi cho đến ngày ông Bùi Xuân H1 và bà Phạm Thị M thanh toán hết nợ cho

Ngân hàng Thương mại cổ phần B”, do nguyên đơn rút phần yêu cầu khởi kiện này.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 3 - Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Cao Cường